TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS - ST
Ngày: 17 - 9 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh sự, uy tín bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quốc Cần

2. Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2019/TLST - DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, uy tín bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hứa Kim H, sinh năm: 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm: 1973 (Có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2019; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Hứa Kim H là nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/10/2018 (âl), bà Nguyễn Thị Cẩm T đến nhà bà hỏi vay tiền 5.000.000 đồng nhưng bà không có đủ tiền cho vay. Do đó, bà đến nhà bà Nguyễn Thị Hồng Y hỏi vay 5.000.000 đồng để cho bà T vay lại, việc vay tiền giữa bà và bà T thỏa thuận bằng lời nói, cụ thể như sau: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày vay tiền nếu bà T trả đủ số tiền nêu trên thì không phải trả tiền lãi; nếu bà T trả tiền vay sau thời gian thỏa thuận thì phải trả tiền lãi là 500.000 đồng/tháng tương ứng với số tiền vay, thời gian tính tiền lãi kể từ ngày vay tiền. Đến hạn trả nợ (15 ngày sau), bà đến nhà bà T yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T chưa có tiền trả nên hẹn cuối tháng sẽ trả đủ tiền vay vốn, tiền lãi theo thỏa thuận và bà cũng thống nhất.

Ngày 28/11/2018 (âl), bà tiếp tục đến nhà bà T yêu cầu thanh toán nợ và bà T có trả cho bà tiền lãi 500.000 đồng, chưa trả tiền vốn vay. Đồng thời, bà có viết biên nhận nợ ngày 28/11/2018 và bà T ký tên, bản chính của biên nhận nợ đã bị thất lạc.

Đầu tháng 12/2018 (âl), bà đã trả cho bà Y tiền vốn vay 5.000.000 đồng, tiền lãi 500.000 đồng nhưng bà Y chỉ nhận 400.000 đồng (tiền lãi). Cuối tháng 12/2018 (âl), bà đến nhà bà T yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng bà T chỉ hẹn mà không thực hiện. Sau đó còn nói ngược đã trả xong và thách thức bà đi khởi kiện.

Tháng 4/2019, bà khởi kiện bà Nguyễn Thị Cẩm T tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng về việc tranh chấp số tiền vay nêu trên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án yêu cầu bà phải làm thủ tục giám định, nộp tạm ứng chi phí tố tụng giám định chữ ký của bà T trong biên nhận nợ ngày 28/11/2018 nhưng bà không có tiền để nộp nên tự nguyện xin rút đơn khởi kiện. Sau khi bà rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án thì bà T tiếp tục có những lời lẽ thách thức và nói bà khởi kiện không có căn cứ. Do quá bức xúc đối với thái độ của bà T nên bà tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho bà tiền vốn vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và trả tiền lãi theo quy định pháp luật, kể từ ngày 28/11/2018 (âl) cho đến khi có quyết định của Tòa án. Tại phiên tòa bà đồng ý để Tòa án xem xét lại tiền lãi theo quy định pháp luật, kể từ ngày vay tiền cho đến ngày xét xử và đồng ý khấu trừ

tiền lãi bà đã nhận 500.000 đồng.

Đối với biên nhận nợ ngày 28/11/2018 do bà viết và bà T ký tên nhưng bà T không thừa nhận chữ ký của mình, bà không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của bà T và cũng không căn cứ vào biên nhận nợ để khởi kiện bà T.

Mặt khác, do bà T có hành vi nói ngược đã trả tiền xong, thách thức bà đi khởi kiện nên đã làm thiệt hại đến danh dự, uy tín của bà. Cho nên, yêu cầu bà T phải bồi thường thiệt hại danh dự, uy tín bị xâm phạm 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), không yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần.

Đối với các yêu cầu phản tố của bà T, bà H có ý kiến như sau:

Về yêu cầu Tòa án xem xét tiền lãi: Bà thống nhất để Tòa án xem xét lại tiền lãi theo quy định pháp luật, kể từ ngày vay tiền đến ngày xét xử. Trường hợp, bà T chứng minh được đã trả cho bà tổng cộng 6.000.000 đồng (Trong đó: tiền vốn vay 5.000.000 đồng, tiền lãi 02 lần bằng 1.000.000 đồng) và Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T (đối với hợp đồng vay tài sản), sau khi khấu trừ (tiền lãi theo quy định pháp luật và tiền lãi đã trả) nếu chênh lệch bà đồng ý trả lại cho bà T.

Về yêu cầu bồi thường danh dự, uy tín bị xâm phạm: Do bức xúc việc bà T nói ngược, thách thức nên bà có hành vi nhắn tin gửi cho bà T, nội dung các tin nhắn do bà T in ra cung cấp cho Tòa án là đúng (bút lục 63 đến 69), trong các nội dung tin nhắn, có nội dung "…Tung lên mạng…", thực chất bà chỉ đăng lên trang Facebook cá nhân của bà gồm: Đơn khởi kiện, các giấy triệu tập của Tòa án mời bà, mục đích để chứng minh bà đã khởi kiện bà T tại Tòa án, bà không có đăng những thông tin cá nhân hoặc bí mật đời tư của bà T. Tại nơi cư trú nhiều người quen hỏi bà việc tranh chấp giữa bà và bà T thì bà có nói Tòa án đang giải quyết chưa biết ai đúng, ai sai như thế nào, bà không có hành vi nói gì khác và cũng không có hăm dọa bà T. Cho nên, bà không đồng ý bồi thường danh dự, uy tín bị xâm phạm cho bà T 8.000.000 đồng. Về yêu cầu bồi thường tiền ngày công lao động: Tại phiên tòa bà T rút yêu cầu nên bà không có ý kiến.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T là bị đơn trình bày:

Ngày 28/10/2018 (âl), bà có vay tiền của bà Hứa Kim H 5.000.000 đồng, việc vay tiền hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, cụ thể: Thời hạn vay tối đa không quá 02 tháng, tiền lãi 500.000 đồng/tháng tương ứng với số tiền vay.

Hơn 10 ngày sau khi vay tiền, bà H đến nhà bà yêu cầu bà trả tiền vay nhưng chưa có tiền trả nên hẹn cuối tháng sẽ trả tiền lãi trước và bà H cũng đồng ý.

Ngày 28/11/2018 (âl), bà trả tiền lãi cho bà H 500.000 đồng.

Khoảng 01 tháng sau (ngày 28/12/2018 "âl"), bà trực tiếp trả cho bà H tiền vay vốn 5.000.000 đồng, tiền lãi 500.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà đã trả cho bà H 6.000.000 đồng (Trong đó, tiền vay vốn 5.000.000 đồng; tiền lãi 02 lần bằng 1.000.000 đồng). Việc bà trả tiền vốn vay, tiền lãi cho bà H không làm giấy tờ, không

có người chứng kiến. Đồng thời, bà xác định không có ký tên vào biên nhận nợ ngày 28/11/2018 theo bà H trình bày.

Vì vậy, bà không đồng ý theo các yêu cầu khởi kiện của bà H và có yêu cầu phản tố như sau:

Yêu cầu Tòa án xem xét lại tiền lãi theo quy định pháp luật, do bà trả cho bà H tổng cộng 1.000.000 đồng, kể từ ngày 28/10/2018 (âl) đến ngày 28/12/2018 (âl) nếu thừa thì bà H phải trả lại cho bà.

Bà là đảng viên, Chi hội trưởng hội phụ nữ - Bí thư chi đoàn Ấp, kể từ thời điểm giữa bà và bà H xảy tranh chấp thì bà H có các hành vi: Dùng điện thoại nhắn tin gửi cho bà, nội dung tin nhắn bà đã in ra cung cấp cho Tòa án và bà H cũng thừa nhận; nói xấu bà với nhiều người tại nơi cư trú và hăm dọa bà. Các hành vi nêu trên của bà H đã làm thiệt hại đến danh dự, uy tín của bà. Đồng thời, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng bà. Vì vậy, yêu cầu bà H phải bồi thường thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm 8.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, yêu cầu bà H phải bồi thường tiền ngày công lao động cho bà (do đến Tòa án để dự giải quyết) 02 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, bằng 400.000 đồng. Tại phiên tòa bà tự nguyện xin rút lại yêu cầu này.

Bà Nguyễn Thị Hồng Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 28/10/2018 (âl), bà cho bà Hứa Kim H vay tiền 5.000.000 đồng và bà H cho bà T vay lại, việc bà H và bà T thỏa thuận vay tiền với nhau cụ thể như thế nào thì bà không biết. Khoảng 01 tháng sau, bà H đã trả đủ cho bà tiền vốn vay 5.000.000 đồng, trả tiền lãi 500.000 đồng nhưng bà chỉ nhận tiền lãi 400.000 đồng. Bà không có ý kiến và yêu cầu trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Cẩm T thừa nhận ngày 28/10/2018 (âl) có vay tiền của bà Hứa Kim H 5.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận 500.000 đồng/tháng tương ứng với số tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà T xác định đã trả tiền cho bà H như sau:

Ngày 28/11/2018 (âl), trả tiền lãi 500.000 đồng được bà H thừa nhận; Ngày 28/12/2018 (âl), trả tiền vốn vay 5.000.000 đồng, tiền lãi 500.000 đồng nhưng bà H

xác định không có. Bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà xác định trả tiền vốn vay, tiền lãi cho bà H (ngày 28/12/2018 "âl") nên lời khai của bà T là không có căn cứ. Vì vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T phải trả cho bà H 5.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và bà T thống nhất lấy mức lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm, tương ứng với tiền vốn vay để Tòa án làm căn cứ tính tiền lãi, thời gian tính tiền lãi, kể từ ngày vay tiền cho đến ngày xét xử. Do có căn cứ xác định bà T chưa trả tiền vốn vay cho bà H nên bà T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi nhưng được khấu trừ 500.000 đồng tiền lãi bà T đã trả, phần chênh lệch còn thiếu bà T phải tiếp tục trả cho bà H.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà H và của bà T: Theo hướng dẫn tại điểm a mục 5 phần I của Nghị quyết số: 03/2006/NQ - HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì "Người bị thiệt hại yêu cầu bồi thường thiệt hại phải nêu rõ từng khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra, mức yêu cầu bồi thường và phải có chứng từ hoặc giấy biên nhận hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý, về thu nhập của người bị thiệt hại" nhưng hai bên không nêu được thiệt hại thực tế cụ thể từng hành vi của đôi bên gây ra. Đồng thời, bà H và bà T không chứng minh được thiệt hại về danh dự, uy tín bị xâm phạm do hành vi của đôi bên gây ra theo quy định tại Điều 584, Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà H và của bà T.

Tại phiên tòa bà T tự nguyện rút yêu cầu về bồi thường tiền ngày công lao động. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà H và bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Hứa Kim H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả tiền vay và bồi thường thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm. Ngược lại, bà T có yêu cầu phản tố đối với bà H như sau: Yêu cầu Tòa án xem xét lại tiền lãi theo quy định pháp luật; yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm; yêu cầu bồi thường tiền ngày công lao động. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bồi thường thiệt hại

ngoài hợp đồng do danh dự, uy tín bị xâm phạm theo quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Bà Nguyễn Thị Hồng Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

Đối với biên nhận nợ giữa bà H và bà T, Tòa án sao chụp từ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 86/2019/TLST - DS ngày 26/4/2019, vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đình chỉ, theo Quyết định số: 24/2019/QĐST - DS ngày 09/5/2019. Nội dung "*tôi là T có nhận nợ của chị H là 5.000.000 (Năm triệu), ngày 28.11.2018. Hạn trả ngày 28.2.2019, góp 1 ngày 65.000 đến 90 ngày mãng*". Bà T không thừa nhận chữ ký, dạng chữ viết "T" của bà trong biên nhận và bà H không chứng minh được chữ ký trong biên nhận là của bà T. Đồng thời, bà H thống nhất không căn cứ vào biên nhận nợ để làm căn cứ khởi kiện đối với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét tính hợp pháp của biên nhận nợ nêu trên.

Ngày 28/10/2018 (âl) tức là ngày 04/12/2018, bà H cho bà T vay tiền 5.000.000 đồng và đã được bà T thừa nhận nên có căn cứ xác định hai bên giao dịch vay tài sản là có thật.

Bà H xác định quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà T có trả cho bà tiền lãi 500.000 đồng vào ngày ngày 28/11/2018 (âl), đến nay bà T vẫn chưa thanh toán tiền vốn vay. Ngược lại, bà T khẳng định quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà đã trả tiền lãi cho bà H lần đầu 500.000 đồng (ngày 28/11/2018 "âl"); Ngày 28/12/2018 (âl), đã trả đủ tiền vay vốn 5.000.000 đồng, trả tiền lãi 500.000 đồng nhưng bà H không thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ban hành Thông báo số: 18/TB - TA ngày 22/7/2019 yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc bà khai đã trả tiền vốn vay và trả tiền lãi (ngày 28/12/2018 "âl") nhưng bà T không cung cấp được nên không có căn cứ xác định bà T đã thanh toán nợ xong cho bà H. Vì vậy, căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà H tiền vay vốn 5.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định pháp luật.

Về tiền lãi: Qua việc giải thích pháp luật, tại phiên tòa bà H và bà T tự nguyện thỏa thuận, thống nhất lấy mức lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm, tương ứng với khoản tiền vay để Tòa án làm căn cứ tính tiền lãi, thời gian tính tiền lãi kể từ ngày vay tiền là ngày 04/12/2018 cho đến ngày xét xử là ngày 17/9/2019 (288 ngày).

Cụ thể như sau: 5.000.000 đồng x 20% x 288 ngày/ 365 ngày = 789.041 đồng tính tròn 789.000 đồng. Do không có căn cứ xác định bà T đã trả nợ xong cho bà H nên bà T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà H là 789.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền lãi bà H đã nhận 500.000 đồng, bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi 289.000 đồng.

Như vậy, buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho bà Hứa Kim H 5.289.000 đồng. Trong đó, tiền vốn vay 5.000.000 đồng và tiền lãi 289.000 đồng.

[2.2]. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, uy tín bị xâm phạm của bà H và của bà T:

Theo quy định pháp luật: Người bị thiệt hại yêu cầu bồi thường thiệt hại phải nêu rõ từng khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra, mức yêu cầu bồi thường và phải có chứng từ hoặc giấy biên nhận hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý, về thu nhập của người bị thiệt hại. Tòa án đã ban hành Thông báo số: 18/TB - TA ngày 22/7/2019 yêu cầu bà H và bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh về thiệt hại do danh dự, uy tín bị xâm phạm. Tuy nhiên, bà H và bà T không chứng minh được thiệt hại cụ thể mà các bà phải gánh chịu là như thế nào do hành vi của nhau gây ra, chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế của các bà bị mất hoặc bị giảm sút, các bà có bị hàng xóm, láng giềng những người ở nơi cư trú xa lánh hay không ? Hơn nữa, sau khi sự việc xảy ra, mối quan hệ của các bà với hàng xóm vẫn bình thường, các bà vẫn sinh hoạt đi đám tiệc, đi chợ như bình thường, không có ai xầm xì hay xa lánh các bà.

Tuy bà H có hành vi nhắn tín xúc phạm đến bà T; nói cho nhiều người nghe việc tranh chấp, mâu thuẫn giữa bà và bà T; đăng đơn khởi kiện, giấy triệu tập của Tòa án lên trang Facebook cá nhân. Ngược lại, bà T có hành vi nói ngược đã trả tiền vay xong, thách thức bà H. Ngoài ra, hai bên không có hành vi nào khác. Xét thấy, những hành vi nêu trên của bà H và của bà T chưa đến mức làm thiệt hại đến danh dự, uy tín của nhau.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, uy tín bị xâm phạm của bà H và của bà T.

Về yêu cầu bồi thường tiền ngày công lao động do đến Tòa án: Bà T yêu cầu bà H phải bồi thường 400.000 đồng. Tại phiên tòa bà T tự nguyện xin rút yêu cầu. Xét thấy, việc rút yêu cầu của bà T là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận 5.289.000 đồng là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006359 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, uy tín bị xâm phạm: Bà H và bà T có đơn đề nghị miễn án phí và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà H và bà T không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001284 ngày 03/6/2019 và 375.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006378 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, tổng cộng 675.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3, khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Kim H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho bà Hứa Kim H 5.289.000 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà T không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà T còn phải trả tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, uy tín bị xâm phạm của bà H đối với bà T.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, uy tín bị xâm phạm của bà T đối với bà H.

Đình chỉ yêu cầu phản tố bồi thường tiền ngày công lao động của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với bà Hứa Kim H. Hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu, bà T được quyền khởi kiện lại vụ án.

2. Về án phí:

Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Kim H được chấp nhận 5.289.000 đồng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006359 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, uy tín bị xâm phạm: Bà Hứa Kim H và bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn đề nghị miễn án phí và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà H và bà T không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho bà Hứa Kim H tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001284 ngày 03/6/2019 và 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006378 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, tổng cộng 675.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Hứa Kim H, bà Nguyễn Thị Cẩm T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 17/9/2019; Bà Nguyễn Thị Hồng NY có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- Thi hành án huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Danh Thanh Phát